

Bản án số: **15/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-01-2026

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Đình Chỉ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thùy P**, sinh năm: 1986; địa chỉ: thôn Bình Hòa 2, phường Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 08, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 527 đường Nữ dân công, xã Vĩnh Lộc, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thùy P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (cũ). Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống không hợp, không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay, chị và anh S đã không còn chung sống, mỗi người mỗi nơi, không quan tâm gì đến nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc S .

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Ngọc S không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc S trình bày:*** Đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ P thì anh thống nhất do hiện nay anh chị đã không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Nguyễn Thị Thuỳ P không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân; bản tự khai của các đương sự; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thuỳ P và anh Nguyễn Ngọc S đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (cũ). Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại thôn 8, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng nên Toà án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng đã thụ lý giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án xác định anh Nguyễn Ngọc S chuyển nơi cư trú đến địa chỉ 527 đường Nữ dân công, xã Vĩnh Lộc, thành phố Hồ Chí Minh. Chị P và anh S đều yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án này. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ P và bị đơn anh Nguyễn Ngọc S đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị P và anh S là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ P và anh Nguyễn Ngọc S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của Chị P và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản khai của các đương sự đều thừa nhận hiện tại Chị P và anh S đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế, các anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa Chị P và anh S không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thuỳ P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị P và anh S đều khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thuỳ P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thuỳ P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S .

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thuỳ P chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thuỳ P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0003759** ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị P đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đà Nẵng ;
- UBND phường Cư Bao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thanh Hải